TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨNG LIÊM** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2024/DS-ST
Ngày: 04-7-2024.
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay và đòi lại tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Triệu Quốc Hiếu**.
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông: Huỳnh Văn Hồng.
2. Bà: Trần Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thị Trúc** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Mỹ Hạnh** – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 463/2023/TLST – DS ngày 23 tháng 11 năm 2023 về "*Tranh chấp hợp đồng vay và đòi lại tài sản*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 144/2024/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 138/2024/QĐST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị K** – sinh năm: 1961 (vắng mặt).
Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.
*Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị K là chị **Nguyễn Minh T1** -sinh năm: 1979 (Tờ ủy quyền ngày 01/02/2024) (có mặt);*
Địa chỉ: Khu phố 3, xã M, huyện T, tỉnh Tiền Giang (có mặt).
Chỗ ở hiện nay: Số 139/8 ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.
- *Bị đơn*: 1/ Anh **Cao Nguyễn Bảo T** – sinh năm: 1980 (có mặt)
2/ Chị **Lê Thị Ngọc G**– sinh năm: 1995 (có mặt)
Địa chỉ: 554/15/30, đường N, Phường 4, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.
Chỗ ở hiện nay: ấp C, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 23/11/2023 và trong quá trình giải quyết, xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị K do chị Nguyễn Minh T1 đại diện trình bày:*

Vào ngày 08/12/2022, anh Cao Nguyễn Bảo T và chị Lê Thị Ngọc G có vay của bà K nhiều lần số tiền vốn tổng cộng là 370.000.000đ, thỏa thuận lãi suất 3%,

có biên nhận do anh T trực tiếp ký tên. Khi vay, anh T có giao các tài sản để đảm bảo khoản nợ vay gồm: 01 một xe mô tô biển số 62T2-4090 và 01 giấy đăng ký xe mô tô xe máy số 014450 tên chủ xe Nguyễn Văn Kh; 01 xe ô tô tải biển số 50H-084.76 và Giấy chứng nhận xe ô tô số 020212 tên chủ xe Lý Thị Mai H; Giấy chứng nhận kiểm định số KD 6172863; 01 Xe ô tô tải biển số 50H-025.35; giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 615193 tên chủ xe Lý Thị Mai H; Giấy chứng nhận kiểm định số 4447316.

Nay bà Nguyễn Thị K yêu cầu chị Lê Thị Ngọc G và anh Cao Nguyễn Bảo T phải trả số tiền nợ vốn vay là 370.000.000đ (ba trăm bảy mươi triệu đồng) và lãi suất 1,66% tháng tính từ ngày 08/12/2022 đến ngày 22/4/2024 là 16 tháng với số tiền 98.272.000đ (chín mươi tám triệu hai trăm bảy mươi hai nghìn đồng), tổng cộng vốn và lãi là 468.272.000đ (bốn trăm sáu mươi tám triệu hai trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

Chị T1 đại diện bà K yêu cầu tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 01/2024/QĐ-BPKCTT ngày 29/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

** Tại bản khai ý kiến ngày 15/12/2023, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Cao Nguyễn Bảo T trình bày:*

Vào khoảng năm 2021, anh T có cầm cố tài sản cho bà K là 01 xe mô tô biển số 62T2-4090 kèm theo 01 giấy đăng ký xe mô tô xe máy số 014450 tên chủ xe Nguyễn Văn Kh với số tiền 50.000.000đ, lãi suất 6%/tháng (tức 1.000.000đ thì mỗi ngày góp 2.000đ/ngày).

Khoảng 01 tháng sau, anh T có cầm cố tiếp tài sản cho bà K là 01 xe ô tô biển số 50H-084.76 kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 020212 tên chủ xe Lý Thị Mai H và Giấy chứng nhận kiểm định số KD 6172863 và bảo hiểm dân sự của xe với số tiền 120.000.000đ, lãi suất 6%/tháng.

Đến khoảng 45 ngày sau, anh T có cầm cố thêm tài sản cho bà K là 01 xe ô tô biển số 50H-025.35 kèm theo Giấy chứng nhận kiểm định; giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô (bản phô tô); Bảo hiểm dân sự với số tiền 200.000.000đ, lãi suất 6%/tháng.

Tổng số tiền anh T nhận cầm cố của bà K là 370.000.000đ. Thỏa thuận khi nào anh T có tiền trả lại số tiền 370.000.000đ cho bà K thì bà K sẽ trả lại cho anh T các tài sản nêu trên. Sự việc cầm cố tài sản chỉ thỏa thuận miệng không ai chứng kiến.

Sau khi cầm cố tài sản, anh T có trả tiền lãi cho bà K tổng cộng 62.000.000đ.

Nay bà K yêu cầu anh T phải trả số tiền nợ vốn vay là 370.000.000đ (ba trăm bảy mươi triệu đồng) và lãi suất 1,66% tháng tính từ ngày 08/12/2022 đến ngày 22/4/2024 là 16 tháng với số tiền 98.272.000đ (chín mươi tám triệu hai trăm bảy mươi hai nghìn đồng), tổng cộng vốn và lãi là 468.272.000đ (bốn trăm sáu mươi tám triệu hai trăm bảy mươi hai nghìn đồng) thì khi nào bà K trả lại tài sản lại cầm cố anh T sẽ đồng ý trả nợ cho bà K.

Anh T yêu cầu vô hiệu hợp đồng cầm cố giữa anh và bà K. Buộc bà K trả cho lại cho anh các tài sản cầm cố gồm: 01 một xe mô tô biển số 62T2-4090 và 01 giấy đăng ký xe mô tô xe máy số 014450 tên chủ xe Nguyễn Văn Kh; 01 xe ô tô tải biển số 50H-084.76 và Giấy chứng nhận xe ô tô số 020212 tên chủ xe Lý Thị Mai H; Giấy chứng nhận kiểm định số KD 6172863 biển số đăng ký 50H-084.76; 01 Xe ô

tô tải biển số 50H-025.35; giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 615193 tên chủ xe Lý Thị Mai H; Giấy chứng nhận kiểm định số 4447316 biển số đăng ký 50H.025.35.

** Tại bản khai ý kiến ngày 29/11/2023, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Lê Thị Ngọc G trình bày:*

Chị G thống nhất với ý kiền trình bày của anh T.

Nay bà K yêu cầu anh T phải trả số tiền nợ vốn vay là 370.000.000đ (ba trăm bảy mươi triệu đồng) và lãi suất 1,66% tháng tính từ ngày 08/12/2022 đến ngày 22/4/2024 là 16 tháng với số tiền 98.272.000đ (chín mươi tám triệu hai trăm bảy mươi hai nghìn đồng), tổng cộng vốn và lãi là 468.272.000đ (bốn trăm sáu mươi tám triệu hai trăm bảy mươi hai nghìn đồng) thì khi nào bà K trả lại tài sản cầm cố chị G sẽ đồng ý trả nợ cho bà K.

Chị G yêu cầu vô hiệu hợp đồng cầm cố giữa anh và bà K. Buộc bà K trả cho lại các tài sản cầm cố gồm: 01 một xe mô tô biển số 62T2-4090 và 01 giấy đăng ký xe mô tô xe máy số 014450 tên chủ xe Nguyễn Văn Kh; 01 xe ô tô tải biển số 50H-084.76 và Giấy chứng nhận xe ô tô số 020212 tên chủ xe Lý Thị Mai H; Giấy chứng nhận kiểm định số KD 6172863 biển số đăng ký 50H-084.76; 01 Xe ô tô tải biển số 50H-025.35; giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 615193 tên chủ xe Lý Thị Mai H; Giấy chứng nhận kiểm định số 4447316 biển số đăng ký 50H.025.35.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm có ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật T1 tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia T1 tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là phù hợp pháp luật.

Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 224 của Bộ luật T1 tụng dân sự; Điều 292; 295, Điều 463, Điều 465, Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu bà Nguyễn Thị K. Buộc anh Cao Nguyễn Bảo T và chị Lê Thị Ngọc G phải trả cho bà K số tiền nợ vốn và lãi là 438.272.000đ và không tính lãi phát sinh sau ngày 22/4/2024.

Tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với tài sản thế chấp gồm: 01 một xe mô tô biển số 62T2-4090 và 01 giấy đăng ký xe mô tô xe máy số 014450 tên chủ xe Nguyễn Văn Kh; 01 xe ô tô tải biển số 50H-084.76 và Giấy chứng nhận xe ô tô số 020212 tên chủ xe Lý Thị Mai H; Giấy chứng nhận kiểm định số KD 6172863 biển số đăng ký 50H-084.76; 01 Xe ô tô tải biển số 50H-025.35; giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 615193 tên chủ xe Lý Thị Mai H; Giấy chứng nhận kiểm định số 4447316 biển số đăng ký 50H.025.35.

Không chấp nhận yêu cầu của chị G và anh T về việc yêu cầu vô hiệu hợp đồng cầm cố giữa anh T, bà K và yêu cầu buộc bà K trả lại các tài sản gồm: 01 một xe mô tô biển số 62T2-4090 và 01 giấy đăng ký xe mô tô xe máy số 014450 tên chủ xe Nguyễn Văn Kh; 01 xe ô tô tải biển số 50H-084.76 và Giấy chứng nhận xe ô tô số 020212 tên chủ xe Lý Thị Mai H; Giấy chứng nhận kiểm định số KD 6172863 biển số đăng ký 50H-084.76; 01 Xe ô tô tải biển số 50H-025.35; giấy

chứng nhận đăng ký xe ô tô số 615193 tên chủ xe Lý Thị Mai H; Giấy chứng nhận kiểm định số 4447316 biển số đăng ký 50H.025.35.

Án phí dân sự sơ thẩm: Anh T và chị G phải nộp án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 21.530.880đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên Toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Toà, Tòa án nhận định:

[1] Về T1 tụng dân sự:

Bà Nguyễn Thị K có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bà và anh Cao Nguyễn Bảo T, chị Lê Thị Ngọc G; Chị Lê Thị Ngọc G và anh Cao Nguyễn Bảo T có đơn phản T1 yêu cầu giải quyết tranh chấp đòi lại tài sản giữa anh, chị và bà Nguyễn Thị K. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật T1 tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

[2] Về nội dung vụ án:

Bà K yêu cầu anh T và chị G phải trả số tiền nợ vốn vay là 370.000.000đ và tiền lãi là 98.272.000đ, tổng cộng vốn và lãi là 486.272.000đ.

Anh T và chị G có yêu cầu phản T1 yêu cầu vô hiệu hợp đồng cầm cố tài sản giữa anh T và bà K. Buộc bà K trả lại các tài sản cầm cố gồm: 01 một xe mô tô biển số 62T2-4090 và 01 giấy đăng ký xe mô tô xe máy số 014450 tên chủ xe Nguyễn Văn Kh; 01 xe ô tô tải biển số 50H-084.76 và Giấy chứng nhận xe ô tô số 020212 tên chủ xe Lý Thị Mai H; Giấy chứng nhận kiểm định số KD 6172863 biển số đăng ký 50H-084.76; 01 Xe ô tô tải biển số 50H-025.35; giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 615193 tên chủ xe Lý Thị Mai H; Giấy chứng nhận kiểm định số 4447316 biển số đăng ký 50H.025.35.

Xét thấy, tại phiên tòa anh T và chị G thừa nhận có vay tiền của bà K với tổng số tiền là 370.000.000đ. Anh T xác định các tài sản gồm: 01 một xe mô tô biển số 62T2-4090 và 01 giấy đăng ký xe mô tô xe máy số 014450 tên chủ xe Nguyễn Văn Kh; 01 xe ô tô tải biển số 50H-084.76 và Giấy chứng nhận xe ô tô số 020212 tên chủ xe Lý Thị Mai H; Giấy chứng nhận kiểm định số KD 6172863 biển số đăng ký 50H-084.76; 01 Xe ô tô tải biển số 50H-025.35; giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 615193 tên chủ xe Lý Thị Mai H; Giấy chứng nhận kiểm định số 4447316 biển số đăng ký 50H.025.35 dùng để đảm bảo các khoản vay của bà K. Đồng thời, anh T, chị G thừa nhận tại biên nhận ngày 08/12/2022 chị G đứng tên người vay nhưng anh T trực tiếp ký tên. Tại phiên tòa, chị T1 đại diện bà K trình bày anh T, chị G không có trả lãi cho bà K. Anh T xác định anh có trả được số tiền lãi là 32.000.000đ cho bà K. Tuy nhiên, anh T không chứng minh có trả được số tiền lãi 32.000.000đ cho bà K sau ngày 08/12/2022. Do đó, yêu cầu của bà K là có cơ sở chấp nhận.

Bà K đồng ý sẽ trả lại các tài sản cho anh T, chị G sau khi anh T và chị G trả xong khoản nợ vay. Xét, lời trình bày của bà K là phù hợp nên chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T, chị G không cung cấp hợp đồng cầm cố tài sản, không cung cấp chứng cứ chứng minh giữa anh T và bà K có cầm

cố tài sản. Do đó, yêu cầu của anh T và chị G về việc vô hiệu hợp đồng cầm cố tài sản là không có cơ sở chấp nhận.

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 01/2024/QĐ-BPKCTT ngày 29/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm do bà K có yêu cầu.

[3] Xét quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà K không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc anh T và chị G phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 22.731.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật T1 tụng dân sự; Điều 166; Điều 292; Điều 295; Điều 463, Điều 465, Điều 466 của Bộ luật dân sự; Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K do chị Nguyễn Thị T1 đại diện.

Buộc anh Cao Nguyễn Bảo T và chị Lê Thị Ngọc G phải trả cho bà Nguyễn Thị K số tiền nợ vốn vay là 370.000.000đ (ba trăm bảy mươi triệu đồng) và tiền lãi là 98.272.000đ (chín mươi tám triệu hai trăm bảy mươi hai nghìn đồng), tổng cộng vốn và lãi là 468.272.000đ (bốn trăm sáu mươi tám triệu hai trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu của anh Cao Nguyễn Bảo T và chị Lê Thị Ngọc G về việc yêu cầu vô hiệu hợp đồng cầm cố tài sản với bà Nguyễn Thị K.

Chấp nhận một phần yêu cầu của anh Cao Nguyễn Bảo T và chị Lê Thị Ngọc G về việc yêu cầu trả lại các tài sản. Buộc bà Nguyễn Thị K trả lại các tài sản gồm: 01 (một) xe mô tô biển số 62T2-4090 và 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô xe máy số 014450 tên chủ xe Nguyễn Văn Kh, biển số đăng ký 62T2-4090; 01 (một) xe ô tô tải biển số 50H-084.76 và 01 (một) Giấy chứng nhận xe ô tô số 020212 tên chủ xe Lý Thị Mai H, biển số đăng ký 50H-084.76; 01 (một) Giấy chứng nhận kiểm định số KD 6172863 biển số đăng ký 50H-084.76; 01 (một) xe ô tô tải biển số 50H-025.35; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 615193 tên chủ xe Lý Thị Mai H biển số đăng ký 50H.025.35 (bản phô tô chứng thực của Ủy ban nhân dân phường 26, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh); 01 (một) Giấy chứng nhận kiểm định số 4447316 biển số đăng ký 50H.025.35 cho anh Cao Nguyễn Bảo T và chị Lê Thị Ngọc G sau khi anh Cao Nguyễn Bảo Tòan và chị Lê Thị Ngọc G thanh toán xong khoản nợ.

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 01/2024/QĐ-BPKCTT ngày 29/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị K không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc anh Cao Nguyễn Bảo T và chị Lê Thị Ngọc G phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 22.731.000đ (hai mươi hai triệu bảy trăm ba mươi mốt nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N^{0}0008997 ngày 25 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Anh Cao Nguyễn Bảo T và chị Lê Thị Ngọc G phải nộp tiếp số tiền án phí dân sự sơ thẩm còn lại là 22.431.000đ (hai mươi hai triệu bốn tắm ba mươi mốt nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Triệu Quốc Hiếu

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Triệu Quốc Hiếu

Phạm Thị Lanh